



**TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ LÂM ĐỒNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

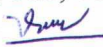
Số: 853 /CTK-XH

Lâm Đồng, ngày 13 tháng 12 năm 2021

V/v thông báo dân số trung bình
chính thức năm 2020, sơ bộ năm 2021 và
ước tính năm 2022

Kính gửi: Chi cục Thống kê cấp huyện

Ngày 06 tháng 12 năm 2021, Cục Thống kê tỉnh Lâm Đồng đã có Công văn số 827/CTK-XH về việc thông báo số liệu dân số trung bình (DSTB) chính thức năm 2020, DSTB sơ bộ năm 2021 và trưng cầu số liệu ước tính DSTB năm 2022 và căn cứ Công văn số 1823/TCTK-DSLĐ ngày 06/12/2021 của Tổng cục Thống kê về việc thông báo dân số trung bình chính thức năm 2020 và sơ bộ năm 2021. Sau khi rà soát lại số liệu dựa trên ý kiến của Chi cục Thống kê cấp huyện, Cục Thống kê tỉnh Lâm Đồng hoàn thiện số liệu DSTB chia theo 12 huyện, thành phố và 111 xã, 18 phường, 13 thị trấn, khu vực và giới tính (các biểu số liệu đính kèm). Số liệu này sẽ được công bố trong niên giám thống kê năm 2021 của Cục Thống kê tỉnh Lâm Đồng.

Để bảo đảm thống nhất số liệu giữa Trung ương, tỉnh, huyện, xã, đề nghị Chi cục Thống kê cấp huyện sử dụng số liệu do Cục Thống kê tỉnh Lâm Đồng thông báo, cũng như hướng dẫn các đơn vị và cá nhân sử dụng thống nhất số liệu này./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Cục;
- Phòng Tổng hợp;
- Lưu: TKXH.

Q.CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Công Thạnh

Đơn vị tính: Người

Mã số	Đơn vị hành chính	Dân số trung bình chính thức năm 2020					Dân số trung bình sơ bộ năm 2021					Dân số trung bình ước năm 2022				
		Chung	Phân theo thành thị, nông thôn và giới tính				Chung	Phân theo thành thị, nông thôn và giới tính				Chung	Phân theo thành thị, nông thôn và giới tính			
			TT	NT	Nam	Nữ		TT	NT	Nam	Nữ		TT	NT	Nam	Nữ
680	Huyện Bảo Lâm	119.297	19.757	99.540	60.317	58.980	120.376	19.959	100.417	60.868	59.508	121.246	20.115	101.131	61.167	60.079
25054	Thị trấn Lộc Thắng	19.757	19.757	-	9.838	9.919	19.959	19.959	-	9.942	10.017	20.115	20.115	-	9.991	10.124
25057	Xã Lộc Bảo	4.783	-	4.783	2.468	2.315	4.823	-	4.823	2.489	2.334	4.861	-	4.861	2.501	2.360
25060	Xã Lộc Lâm	2.242	-	2.242	1.134	1.108	2.261	-	2.261	1.144	1.117	2.279	-	2.279	1.150	1.129
25063	Xã Lộc Phú	3.208	-	3.208	1.640	1.568	3.235	-	3.235	1.654	1.581	3.260	-	3.260	1.662	1.598
25066	Xã Lộc Bắc	4.851	-	4.851	2.418	2.433	4.892	-	4.892	2.438	2.454	4.930	-	4.930	2.450	2.480
25069	Xã B' Lá	3.348	-	3.348	1.720	1.628	3.376	-	3.376	1.734	1.642	3.402	-	3.402	1.743	1.659
25072	Xã Lộc Ngãi	13.945	-	13.945	7.090	6.855	14.062	-	14.062	7.149	6.913	14.172	-	14.172	7.184	6.988
25075	Xã Lộc Quảng	3.996	-	3.996	2.037	1.959	4.030	-	4.030	2.054	1.976	4.061	-	4.061	2.064	1.997
25078	Xã Lộc Tân	7.370	-	7.370	3.686	3.684	7.432	-	7.432	3.717	3.715	7.490	-	7.490	3.735	3.755
25081	Xã Lộc Đức	6.401	-	6.401	3.279	3.122	6.495	-	6.495	3.329	3.166	6.546	-	6.546	3.345	3.201
25084	Xã Lộc An	17.556	-	17.556	8.823	8.733	17.703	-	17.703	8.897	8.806	17.801	-	17.801	8.941	8.860
25087	Xã Tân Lạc	3.560	-	3.560	1.851	1.709	3.590	-	3.590	1.867	1.723	3.618	-	3.618	1.876	1.742
25090	Xã Lộc Thành	15.363	-	15.363	7.753	7.610	15.492	-	15.492	7.813	7.674	15.603	-	15.603	7.856	7.747
25093	Xã Lộc Nam	12.917	-	12.917	6.580	6.337	13.026	-	13.026	6.635	6.390	13.108	-	13.108	6.669	6.439